

Số: /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

**Dự án thành phần “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị
phục vụ phát triển giống lúa xuất khẩu”
thuộc dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị
phục vụ phát triển giống cây trồng”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT số 3080/QĐ-BNN-KH ngày 15/7/2021 và số 2984/QĐ-BNN-KH ngày 05/8/2022 phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống cây trồng”.

Xét đề nghị của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam tại Tờ trình số 102/TTr-KHNN-TCHC ngày 23/02/2023, của Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long tại Tờ trình số 11/TTr-VL ngày 21/02/2023 trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án thành phần “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống lúa xuất khẩu” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình (tại Báo cáo thẩm định số 207/BC-XD-TĐ ngày 23/02/2023); Cục trưởng Cục Trồng trọt; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch; Tài chính; Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án thành phần “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống lúa xuất khẩu” với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Dự án thành phần “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống lúa xuất khẩu” thuộc dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống cây trồng”.

2. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:

- Loại công trình, dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ Nông nghiệp và PTNT;

- Nhóm dự án: Nhóm B;

- Cấp công trình: Cấp IV.

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

4. Đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư: Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

5. Chủ đầu tư DATP (từ giai đoạn thực hiện dự án đến kết thúc dự án): Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

6. Tổ chức Tư vấn lập dự án:

Liên danh tư vấn Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Phát triển nông thôn - Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn đầu tư Xây dựng MINORI - Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng Hà Nội.

- Chủ nhiệm thiết kế: KTS Nguyễn Thị Việt Dung.

7. Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất, chuyển giao công nghệ cho Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

8. Địa điểm xây dựng: Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

9. Quy mô, nội dung đầu tư

- Nâng cấp hệ thống đường giao thông nội đồng: Chiều dài khoảng 18.135m;
- Nâng cấp hệ thống tưới tiêu đồng ruộng: Chiều dài kênh tưới chính + kênh nhánh khoảng 2.290m; kênh tiêu: chiều dài khoảng 5.075m; bể nước: 8 cái;
- Tường rào bảo vệ và tường bao chống chuột: Khoảng 1.105m tường rào và khoảng 2.119m tường bao chống chuột;
- Xây dựng nhà lưới: 08 nhà, tổng diện tích khoảng 3.840m²;
- Cải tạo đồng ruộng: Khoảng 23,04ha;
- Kè chống sạt lở khu ruộng thí nghiệm: Chiều dài khoảng 321m;

- Cải tạo khu chế biến: (i) Nhà làm sạch giống siêu nguyên chủng (diện tích 168m^2); (ii) Nhà kho giữ giống (diện tích 1.008m^2); (iii) Nhà kho giữ giống nguyên chủng (diện tích 480m^2); (iv) Nhà sấy lúa (diện tích 450m^2); (v) Nhà điều hành sản xuất (diện tích 183m^2); (vi) Nhà chứa và xử lý chất thải sau chế biến (diện tích 270m^2); (vii) Hệ thống PCCC;

- Công trình phụ trợ: Xây mới mái che hành lang khu chế biến: Diện tích khoảng 1.186m^2 ;

- Mua sắm trang thiết bị.

10. Các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:

10.1 Nâng cấp hệ thống đường giao thông nội đồng: Tổng chiều dài khoảng 18.135m, trong đó:

a) Tại khu ruộng thí nghiệm:

- Cải tạo đường bờ giữa các lô ruộng: Chiều dài khoảng 2.523m; chiều rộng nền đường 5,75m; chiều rộng mặt đường 3,0m; kết cấu mặt gồm 2 loại:

+ Mặt đường cải tạo: Bê tông xi măng, dày 16cm;

+ Mặt đường làm mới: bê tông xi măng dày 16cm; cấp phối đá dăm dày 15cm; đất nền đầm chặt;

- Cải tạo đường phân lô: Chiều dài khoảng 3.166m; xây gạch vữa xi măng, mặt bê tông xi măng dày 10cm, rộng 50cm.

b) Cải tạo đường đê bao: Chiều dài khoảng 8.858m; kết cấu mặt đường bê tông xi măng dày 18cm.

c) Cải tạo đường lô tại khu ruộng sản xuất: Chiều dài khoảng 3.588m; nền đường đất rộng 2,5m.

10.2 Nâng cấp hệ thống tưới tiêu đồng ruộng:

a) Cải tạo kênh cấp nước tưới: Chiều dài khoảng 2.290m gồm:

- Kênh tưới chính: Nạo vét, cải tạo tuyến kênh trạm bơm thành kênh kết hợp trữ nước, chiều dài khoảng 486m;

- Kênh tưới nhánh: Tổng chiều dài khoảng 1.804m, gồm:

+ Xây mới 04 tuyến kênh nhánh dọc theo các đường lô hiện có, chiều dài khoảng 1.524m; thành kênh xây gạch, kích thước 0,8mx1,0m; đáy bê tông cốt thép dày 15cm; bố trí thanh giằng BTCT trên đỉnh, khoảng cách 2,0m/thanh;

+ Nạo vét, cải tạo tuyến kênh giáp khu nhà lưới đầu nối với kênh trạm bơm: Chiều dài khoảng 280m;

- Đầu các kênh (chính và nhánh) bố trí các ống cống lấy nước bằng nhựa HDPE đóng mở bằng van chặn;

- Xây dựng bờ bao giáp trạm bơm: Dài khoảng 22m; kết cấu bằng đất đắp; gia cố đỉnh và mái ngoài bờ bao bằng bê tông và đá hộc xây vữa.

b) Cải tạo hệ thống kênh tiêu nước: Chiều dài khoảng 5.075m, gồm:

- Kênh tiêu chính: Nạo vét, cải tạo khoảng 1.000m; kích thước sau cải tạo BxH=10mx2,8m;

- Kênh tiêu nhánh: Nạo vét, cải tạo khoảng 3.400m; kích thước sau cải tạo BxH=5,0mx2,8m;

- Kênh tiêu ruộng thí nghiệm: Xây dựng mới tuyến kênh tiêu (nằm cuối các lô) nối với các tuyến kênh tiêu hiện có T1; T2; T3; T4; T5; chiều dài khoảng 675m, thành xây gạch, bản đáy BTCT, kích thước giống kênh hiện trạng (0,85mx1,1m);

- Xây dựng mới trạm bơm tiêu nước từ kênh tiêu chính ra kênh Năm Kỳ: Diện tích nhà trạm khoảng 9,0m², cao 3,2m; móng, cột, dầm, sàn BTCT; tường xây gạch không nung; cửa đi, cửa sổ khung thép bịt tôn.

c) Bể nước trung chuyển: 08 cái, kích thước đáy 5x8m; sâu 3,45m, mái dốc 1/1÷1,5; thành bể đá hộc xây vữa; đáy bể gia cố cừ tràm, vải địa kỹ thuật, xây đá hộc.

10.3 Tường rào bảo vệ và tường bao chống chuột:

a) Tường rào bảo vệ (dọc theo đường đê bao quanh ruộng thí nghiệm):

Chiều dài khoảng 1.105m; trụ bằng cọc BTCT dài khoảng 7,0m, khoảng cách 2.5m/cọc; khung lưới thép B40 liên kết trực tiếp với cọc.

b) Tường bao chống chuột: Chiều dài khoảng 2.119m; tường xây gạch không nung, chiều cao khoảng 60cm, trên có mũ chống chuột leo; trụ tường kích thước 20x20cm, khoảng cách 3,0m; đặt khe lún theo quy định.

10.4 Xây dựng nhà lưới: 08 nhà, diện tích mỗi nhà 480m² (tổng diện tích 3.840m²), cấu tạo từng nhà như sau:

- Kết cấu: Cột BTCT, chiều cao đến đỉnh mái 5,1m; vì kèo, xà gồ thép hình mạ kẽm; mái che lưới inox chống côn trùng, kết hợp bạt che mưa di động;

- Móng đơn BTCT, đáy móng gia cố bằng cừ tràm chiều dài L=4,0m, mật độ 25 cọc/m²;

- Hoàn thiện: Tường xây gạch không nung; cửa đi khung thép bịt tôn; rãnh thoát nước, bể thí nghiệm xây gạch không nung; lắp đặt hệ thống cấp điện, nước đồng bộ.

10.5 Cải tạo đồng ruộng: Diện tích khoảng 23,04ha; san gạt làm phẳng mặt ruộng đảm bảo độ dốc cho nước chảy đồng đều trên mặt ruộng.

10.6 Kè chống sạt lở khu ruộng thí nghiệm: Chiều dài khoảng 321m; kết cấu cọc BTCT kết hợp tấm đan BTCT, phía trong đắp đất; đỉnh kè đổ dầm khóa BTCT kích thước 25cmx37cm.

10.7 Cải tạo khu chế biến:

a) Nhà làm sạch giống siêu nguyên chủng (nhà số 2):

- Cấy thêm cột thép, mở rộng chiều ngang thêm 2,0m; tường phần mở rộng dùng khung sắt ốp tôn; bố trí thêm cửa đi phía hành lang;

- Nâng nền bằng bê tông xi măng dày 20cm; cải tạo hệ thống rãnh thoát nước xung quanh nhà;

- Phá dỡ hiện trạng nhà, sửa chữa, thay thế tường bao ốp tôn (thay thế khoảng 40%); thay thế mái tôn bằng tôn chống nóng; làm mới trần nhựa tại khu vực hành lang; thay thế toàn bộ cửa đi, cửa sổ bằng cửa khung sắt bịt tôn; cạo rỉ và sơn lại hệ thống vì kèo, xà gồ;

b) Nhà kho giữ giống (nhà số 4):

- Láng nền bằng vữa xi măng dày 2cm; cạo bỏ, trát lại những vị trí tường hư hỏng (khoảng 60% diện tích); sơn nước mặt trong và sơn chống thấm bên ngoài;

- Thay thế cửa đi, cửa sổ bằng cửa khung thép bịt tôn; thay thế xà gồ, vì kèo thép; lợp lại mái bằng tôn chống nóng.

c) Nhà kho giữ giống nguyên chủng (nhà số 6):

- Láng nền bằng vữa xi măng dày 2cm; cạo bỏ, trát lại những vị trí tường hư hỏng (khoảng 60% diện tích); sơn nước mặt trong và sơn chống thấm bên ngoài;

- Thay thế cửa đi, cửa sổ bằng cửa khung thép bịt tôn; thay thế xà gồ, vì kèo thép; lợp lại mái bằng tôn chống nóng.

d) Nhà sấy lúa (nhà số 11):

- Dỡ bỏ tường kho chất đốt để mở rộng diện tích; láng nền bằng vữa xi măng dày 2cm; cạo bỏ, trát lại những vị trí tường hư hỏng; sơn nước mặt trong và sơn chống thấm bên ngoài;

- Thay thế cửa đi bằng cửa khung thép bịt tôn, cửa sổ bằng lưới thép B40; thay thế xà gồ, vì kèo thép; lợp lại mái bằng tôn chống nóng.

đ) Nhà điều hành sản xuất (nhà số 12):

- Xây mới mở rộng thêm diện tích khoảng 89m² (tổng là 183m²); chiều cao đến đỉnh mái 5,0m, kết cấu tương tự nhà hiện tại (móng đơn BTCT gia cố bằng cừ tràm dài 7,0m; khung cột BTCT chịu lực, tường xây gạch không nung; vì kèo thép, trần thạch cao, mái lợp tôn);

- Hoàn thiện: Lát lại toàn bộ nền nhà phần hiện trạng và xây mới bằng gạch granite; nền vệ sinh lát gạch granite chống trơn; trám vữa tường ngăn nhà hiện tại; sơn lại toàn bộ nhà cũ và mới bằng sơn nước và sơn chống thấm; cửa đi, cửa sổ dùng khung nhôm hệ (tương đương Xingfa), kính an toàn dày 6,38mm; lắp đặt hệ thống điện, nước, mạng LAN có wifi đồng bộ.

- Cải tạo lại hệ thống hè, rãnh thoát nước xung quanh nhà;

e) Xây mới nhà kho chứa và xử lý chất thải sau chế biến (nhà số 22):

- Nhà 01 tầng, diện tích khoảng 270m²; bước cột 6,0m, nhịp nhà 9,0m; chiều cao đến đỉnh mái 4,63m;

- Kết cấu: Móng đơn, dầm móng BTCT; móng gia cố cừ tràm dài 7,0m; khung, cột thép tiền chế, xà gồ thép, mái lợp tôn; tường bao che xây gạch không nung.

g) Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Thiết kế phòng cháy chữa cháy tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và ý kiến thỏa thuận của Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ công an Thành phố Cần Thơ tại Văn bản số 442/PCSPCCC&CNCH ngày 28/12/2022.

10.8 Công trình phụ trợ:

a) Mái hiên trước nhà sấy, nhà kho giữ giống, xưởng chế biến: Diện tích xây dựng khoảng 1.154m²; chiều cao đến đỉnh mái 5,3m; móng đơn BTCT gia cố cừ tràm dài 5,0m; cột, vì kèo, xà gồ thép; mái lợp tôn chống nóng; nền bê tông xi măng dày 20cm; lắp đặt hệ thống chiếu sáng, thoát nước mưa, nước mặt đồng bộ;

b) Mái hiên trước xưởng chế biến giống và nhà làm sạch giống siêu nguyên chủng: Diện tích xây dựng khoảng 32m²; chiều cao đến đỉnh mái 4,2m; móng đơn BTCT; cột, vì kèo, xà gồ thép; mái lợp tôn chống nóng; nền bê tông xi măng dày 15cm; lắp đặt hệ thống chiếu sáng, thoát nước mưa, nước mặt đồng bộ;

10.9 Mua sắm trang thiết bị PCCC và thiết bị phục vụ sản xuất giống (Chi tiết tại Phụ lục I).

11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

- Số bước thiết kế : 02 bước, thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.
- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng: TCVN 12270:2018: Nhà ươm, trồng cây - Các yêu cầu; TCVN 4118:2021: Công trình thủy lợi - Hệ thống dẫn, chuyển nước - Yêu cầu thiết kế; TCVN 9164:2012: Công trình thủy lợi - Hệ thống tưới tiêu - Yêu cầu kỹ thuật vận hành hệ thống kênh; TCVN 8423:2010: Công trình thủy lợi - Trạm bơm tưới, tiêu nước - Yêu cầu thiết kế công trình thủy công; TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế; và các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

12. Tổng mức đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư dự án thành phần lập theo quy định tại Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn, giá vật tư, giá vật liệu, giá nhân công, ca máy và thiết bị thi công theo công bố giá số 290/SXD-QLXD ngày 08/02/2023 của thành phố Cần Thơ và mặt bằng giá thị trường khu vực tại thời điểm trình tổng mức đầu tư.

b) Tổng mức đầu tư DATP: **90.000.000.000 đồng** (Chín mươi tỷ đồng), chia ra:

- Chi phí xây dựng	69.842.542.000 đồng
- Chi phí thiết bị	2.458.150.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án	1.660.024.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	5.144.007.000 đồng
- Chi phí khác	950.007.000 đồng
- Chi phí dự phòng	9.945.270.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục II)

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước (giao cho Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ);

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê Tổ chức tư vấn quản lý dự án.

15. Tiến độ thực hiện dự án thành phần: 04 năm.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

1. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam:

- Là đơn vị đầu mối, chủ trì tổng hợp trình Bộ điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (nếu có), tổng hợp báo cáo Bộ các nội dung có liên quan trong quá trình thực hiện dự án; đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ trong đầu tư toàn dự án;

- Cung cấp các hồ sơ tài liệu có liên quan ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư cho Chủ đầu tư dự án thành phần để triển khai các bước tiếp theo;

- Hoàn chỉnh hồ sơ dự án thành phần theo nội dung được duyệt, các ý kiến thẩm định và các lưu ý đã nêu tại Báo cáo thẩm định của Cục Quản lý xây dựng công trình;

- Chủ trì hoàn thiện hồ sơ trình quyết toán các chi phí giai đoạn chuẩn bị dự án theo quy định;

- Thực hiện lưu trữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án và các nhiệm vụ khác theo quy định.

2. Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng về việc tổ chức, quản lý thực hiện và nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án thành phần theo quy định;

- Tổ chức quản lý và thực hiện dự án theo đúng nội dung Quyết định đầu tư, các quy định hiện hành của Nhà nước, của địa phương về quản lý dự án đầu tư, quản lý chi phí đầu tư và quản lý chất lượng công trình xây dựng đảm bảo đưa công trình vào khai thác sử dụng đúng mục đích, an toàn, có hiệu quả;

- Trình Bộ (qua Cục QLXDCT) thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu DATP phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp; tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và các quy định có liên quan;

- Tổ chức lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình, trình Cục QLXDCT thẩm định trước khi phê duyệt; Lưu ý lập quy trình bảo trì công trình, bảo trì thiết bị cho quá trình khai thác sử dụng;

- Tổ chức thẩm định phê duyệt tính năng, thông số kỹ thuật của các thiết bị phục vụ sản xuất giống;

- Lập hồ sơ thanh quyết toán các chi phí giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng DATP theo quy định.

3. Vụ Kế hoạch: Tham mưu Bộ bố trí nguồn vốn ngân sách theo tiến độ thực hiện dự án thành phần và kế hoạch vốn trung hạn được duyệt.

4. Vụ Tài chính: Chủ trì quyết toán năm và quyết toán hoàn thành dự án thành phần; hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện các thủ tục về xử lý tài sản theo quy định.

5. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường: Hướng dẫn Chủ đầu tư trong công tác thẩm định, phê duyệt đặc tính, thông số kỹ thuật của các thiết bị phục vụ sản xuất giống; kiểm tra công tác nghiệm thu các thiết bị phục vụ sản xuất giống của dự án sau khi hoàn thành.

6. Cục Quản lý xây dựng công trình: Thực hiện trách nhiệm cơ quan chủ trì thẩm định và cơ quan chuyên môn về xây dựng, giúp Bộ trưởng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch; Tài chính; Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Cục trưởng các Cục: Quản lý xây dựng công trình, Trồng trọt; Giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam; Viện trưởng Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long và các Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Kho bạc NN (TƯ và ĐP);
- Lưu VT, XD (08b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp